

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2025/DS-ST
Ngày: 14-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay và
mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phước Tường
- Ông Tống Văn Tư

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Vũ B** sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh **Phan Văn V** sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Tuấn T** sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh **Huỳnh Hiếu T1** sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xã X, huyện Y, tỉnh Đồng Tháp.

+ Cháu **Phan Duy K** sinh năm 2009 (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật: Anh **Phan Thành N** sinh năm 1980 (cha ruột, vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Phan Văn V trình bày:*

- Vào ngày 20/10/2023, anh B có cho anh T vay mượn số tiền 240.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/10/2023 được anh T ký tên điểm chỉ. Thời hạn vay tiền là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận. Đến nay anh T chưa trả số tiền này. Nay yêu cầu anh T trả 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Anh B không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh T do anh B không có nợ tiền anh T.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Tuấn T trình bày:.*

Trước đây anh có giới thiệu cho anh B cầm chiếc xe ô tô mang biển số 95A-082.07 của anh T1 với giá 200.000.000 đồng. Do trước đó anh có nợ anh B 40.000.000 đồng và lúc này anh B còn giữ chiếc xe ô tô của anh T1 nên anh mới ký tên vào giấy mượn tiền ngày 20/10/2023 với số tiền 240.000.000 đồng và anh nghĩ dù sao này có chuyện gì xảy ra thì vẫn có chiếc xe ô tô của anh T1 để bán thu hồi lại tiền. Tuy nhiên anh B đã trả chiếc xe ô tô này lại cho anh T1 mà không thông báo cho anh biết. Việc cầm cố xe ô tô mang biển số 95A-082.07 không liên quan đến anh, anh chỉ giới thiệu anh T1 đến chỗ anh B cầm cố xe ô tô. Nay anh không đồng ý trả số tiền 240.000.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 63H4-9999 có nguồn gốc là do anh mua không chính chủ (giá 60.000.000 đồng, không có làm giấy mua bán, chỉ giao tiền nhận xe), không nhớ tên người bán và anh chưa được đứng tên giấy đăng ký xe. Sau đó anh thông qua môi giới để làm giấy đăng ký xe và nhờ anh Lê Thành T2 đứng tên giấy đăng ký xe giùm anh (việc này không có giấy tờ, chỉ nói miệng), do anh nghĩ xe này cũng bán lại nên nhờ anh T2 đứng tên giùm để bán lại cho dễ.

Sau đó anh T2 bán lại cho anh Phạm Hoàng Đ với giá 70.000.000 đồng, việc mua bán này anh có biết và đồng ý, hai bên có làm giấy mua bán nhưng trong giấy mua bán chỉ ghi giá 2.000.000 đồng để giảm thuế. Số tiền 70.000.000 đồng anh nhận từ anh Đ, không có giấy tờ. Sau đó anh Đ bán lại cho người khác nhưng anh không biết người đó là ai, nhưng sau đó không biết vì lý do gì mà chiếc xe này trở lại sự quản lý của anh Đ.

Rồi anh Đ bán lại cho anh với giá 70.000.000 đồng, không có làm giấy mua bán, chỉ giao tiền nhận xe, anh không có xem giấy đăng ký xe mặc dù anh giữ giấy đăng ký xe. Sau khi nhận xe, anh độ lại xe (làm máy lên 110cc, thay đồ mũ, pô, bánh xe, độ lại thành xe honda, ...) và số khung xe bị hư, ở địa phương C không cho đăng ký xe này nên anh mới nhờ anh B đứng tên vì anh B không

cần kiểm tra, cho đứng tên bình thường. Việc anh nhờ anh B đứng tên giùm không có làm giấy tờ. Anh nhờ môi giới làm thủ tục để anh B đứng tên đăng ký xe mô tô biển số 63H4-9999.

Nay anh có yêu cầu phản tố là yêu cầu anh B trả lại 40.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 63H4-9999 mà anh B đã làm thủ tục sang tên và đứng tên chủ quyền.

* Anh Huỳnh Hiếu T1, cháu Phan Duy K và anh Phan Thành N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có ý kiến.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tuân thủ, bị đơn chưa tuân thủ quy định quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, buộc anh T trả cho anh B số tiền 240.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấm dứt ủy quyền: Vào ngày 01/7/2024, anh Lê Tuấn T có văn bản ủy quyền cho ông Bùi Quang N1 tham gia tố tụng tại Tòa án, đến ngày 21/02/2025 anh T có thông báo chấm dứt ủy quyền gửi đến ông N1 và ông N1 đồng ý. Xét thấy việc chấm dứt ủy quyền giữa anh T, ông Nhuận là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc vắng mặt đương sự: Xét thấy, anh Lê Tuấn T, anh Huỳnh Hiếu T1, cháu Phan Duy K và anh Phan Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, anh T1, cháu K và anh N.

[4] Về yêu cầu anh T trả số tiền 240.000.000 đồng:

Xét thấy, tại giấy mượn tiền ngày 20/10/2023 thể hiện anh T có vay của anh B số tiền 240.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh mua đất với thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất thỏa thuận và tại đơn phản tố ngày 01/7/2024 anh T thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ số tiền 240.000.000 đồng. Tuy nhiên anh T cho rằng anh là người bảo đảm cho anh B cầm chiếc xe ô tô mang biển số 95A-082.07 của anh T1 nên anh T1 mới là người nợ tiền anh B. Xét ý kiến này của anh T không được anh V thừa nhận và anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh, anh T1 không có ý kiến dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến này của anh T mà cần buộc anh T trả cho anh B số tiền vay 240.000.000 đồng vì đến nay thời hạn vay tiền đã hết mà anh T chưa trả tiền là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[5] Việc cầm chiếc xe ô tô mang biển số 95A-082.07 nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về yêu cầu phản tố đòi anh B trả lại 40.000.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô biển số 63H4-9999, xét thấy:

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố của anh T.

[6] Về yêu cầu tính lãi: Xét thấy, anh B không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.
- Anh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 430, 463, 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Vũ B.

Buộc anh Lê Tuấn T trả cho anh Phạm Vũ B số tiền 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của anh Lê Tuấn T về việc đòi anh Phạm Vũ B trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Anh Lê Tuấn T phải chịu 12.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Sung vào công quỹ nhà nước 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0015619 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Hoàn lại cho anh Phạm Vũ B 6.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015296 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với anh Phạm Vũ B được tính từ ngày tuyên án; đối với anh Lê Tuấn T, anh Huỳnh Hiếu T1, cháu Phan Duy K và anh Phan Thành N được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thi